

Số: 657/QĐ-HVCSPT

Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2021

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo hệ chuẩn  
ngành Kinh tế - trình độ đại học

### GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

Căn cứ Quyết định số 1099/QĐ-BKHĐT ngày 18/07/2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Chính sách và Phát triển;

Căn cứ Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/04/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 971/QĐ-HVCSPT ngày 29/12/2017 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển về việc ban hành quy định xây dựng chương trình đào tạo đại học tại Học viện;

Căn cứ Quyết định số 344/QĐ-HVCSPT ngày 12/05/2021 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển về việc thành lập Hội đồng rà soát, cập nhật và điều chỉnh nội dung chương trình đào tạo đại học hệ chính quy tại Học viện Chính sách và Phát triển năm 2021;

Theo đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Trưởng phòng Phòng Quản lý Đào tạo.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo hệ chuẩn ngành Kinh tế - trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy áp dụng từ Khóa 12 tuyển sinh năm 2021 của Học viện Chính sách và Phát triển. (có chương trình đào tạo chi tiết kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng phòng Phòng Quản lý Đào tạo, Trưởng các Khoa/Viện/Bộ môn, Người đứng đầu các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Các đơn vị thuộc Học viện;
- Lưu: TC-HC, P.QLĐT (04 bản).

GIÁM ĐỐC



PGS, TS. Trần Trọng Nguyên

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 57/QĐ-HVCSPT ngày 30 tháng 8 năm 2021  
của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)

NGÀNH ĐÀO TẠO:	KINH TẾ
MÃ SỐ:	7310101
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO:	ĐẠI HỌC
CHUYÊN NGÀNH:	ĐẤU THẦU VÀ QUẢN LÝ DỰ ÁN

### 1. Mục tiêu đào tạo

#### 1.1 Mục tiêu chung

- Đào tạo cử nhân đại học ngành Kinh tế chuyên ngành Đấu thầu và Quản lý dự án có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm với xã hội; nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh; có kiến thức chuyên sâu về đấu thầu và quản lý dự án; có tư duy nghiên cứu độc lập, có năng lực tự bổ sung kiến thức và tiếp tục học tập nâng cao trình độ để đáp ứng yêu cầu của công việc.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể

##### 1.2.1. Về kiến thức

- Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Đấu thầu và Quản lý dự án được trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế xã hội, kiến thức chuyên môn về nghiệp vụ đấu thầu, quản lý dự án trong nước và đấu thầu quốc tế, am hiểu các quy định của pháp luật về đấu thầu, đầu tư, các hình thức đấu thầu, lựa chọn nhà thầu, hồ sơ mời thầu, các tình huống trong đấu thầu, các quy trình đấu thầu dự án trong nước và quốc tế tại các cơ quan ở phạm vi cả nước, ngành và doanh nghiệp, các tổ chức quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế của thực tiễn nền kinh tế Việt Nam;

- Nắm bắt được các khái niệm và bản chất của đầu tư; vai trò và đặc điểm của đầu tư phát triển trong nền kinh tế; xem xét các nguồn vốn và cách huy động các nguồn vốn đó cho đầu tư; quản lý nhà nước về đầu tư; môi trường đầu tư; đầu tư công; phương pháp đánh giá kết quả và hiệu quả đầu tư; đầu tư quốc tế; đầu tư phát triển trong doanh nghiệp; quản lý đầu tư theo dự án.

##### 1.2.2. Về kỹ năng.

Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Đấu thầu và Quản lý dự án có năng lực thực hiện chức năng quản lý nhà nước về kinh tế và xã hội, kỹ năng phân tích, tổng hợp, khái quát vấn đề, khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc theo nhóm để giải quyết hiệu quả công việc trong chuyên môn.

### *1.2.3. Về thái độ*

Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Đấu thầu và Quản lý dự án có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; tôn trọng và chấp hành pháp luật; có ý thức tổ chức kỷ luật; năng động, nhiệt tình và có tinh thần hợp tác trong công việc.

### *1.2.4. Vị trí việc làm sau tốt nghiệp*

- Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Đấu thầu và quản lý dự án có khả năng làm việc tại các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội từ Trung ương đến địa phương; các doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực xây dựng cơ bản, doanh nghiệp cung cấp hàng hóa, dịch vụ, các nhà thầu trong nước và quốc tế; các tổ chức quốc tế; các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp; các cơ quan nghiên cứu và hoạch định chính sách Kinh tế - Xã hội, các ngân hàng, công ty bất động sản, chứng khoán;

### *1.3. Trình độ ngoại ngữ, tin học*

+ Đạt trình độ về ngoại ngữ: Theo chuẩn đầu ra của Học viện Chính sách và Phát triển. Sử dụng tốt tiếng Anh với những kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong nghiên cứu, giao tiếp và soạn thảo báo cáo phân tích.

+ Đạt trình độ tin học: Chứng chỉ tin học quốc tế IC3 (Internet and Computing Core Certification) hoặc MOS (Microsoft Office Specialist), đây là những chuẩn quốc tế về sử dụng máy tính và tin học văn phòng do tổ chức Certiport của Mỹ cấp.

### *1.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường*

+ Có đủ điều kiện và khả năng tự nghiên cứu, phát triển trình độ kiến thức và tham gia đào tạo ở bậc sau đại học trong và ngoài nước.

+ Bảo đảm việc liên thông khối kiến thức ngành Kinh tế với các cơ sở đào tạo khác ở Việt Nam và quốc tế.

+ Độc lập thực hiện các công trình nghiên cứu khoa học, sản phẩm liên quan đến đấu thầu và quản lý dự án.

## **2. Chuẩn đầu ra**

### *2.1. Về kiến thức*

#### *2.1.1. Kiến thức cơ bản*

1. Nắm vững những kiến thức cơ bản, nền tảng về thế giới quan và phương pháp luận khoa học. Hiểu, phân tích, đánh giá và ứng dụng tri thức khoa học của chủ nghĩa Mác – Lê nin vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.

2. Hiểu về thể chế Nhà nước, nắm vững kiến thức pháp lý cơ bản đặc biệt là pháp luật về kinh tế, đầu tư và kinh doanh.

3. Nắm vững phương pháp luận, ứng dụng công cụ toán, thống kê và kinh tế học vào phân tích, giải quyết các vấn đề kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh, có đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu.

4. Hiểu về quy trình, tác động của chính sách (đặc biệt chính sách kinh tế), vận dụng vào việc hoạch định, tổ chức thực hiện và đánh giá chính sách.

5. Nắm vững các quy luật của kinh tế thị trường, có tư duy toàn cầu, thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới.

### 2.1.2. Kiến thức chuyên sâu

6. Vận dụng các quy luật cơ bản trong lĩnh vực xã hội, tự nhiên vào việc phân tích và đề xuất các chính sách trong các lĩnh vực kinh tế, đấu thầu và quản lý dự án.

7. Hiểu công tác quản lý nhà nước về đấu thầu như: phương thức, quy trình tổ chức đấu thầu... vận dụng các kiến thức chuyên môn về đấu thầu, quản lý dự án trên cấp độ nền kinh tế, ngành, địa phương và trên góc độ doanh nghiệp. Hiểu, vận dụng các quy định của pháp luật về đấu thầu, đầu tư.

8. Hiểu, vận dụng được cách thức hoạt động, vận hành của hệ thống đấu thầu qua mạng; đăng ký tư cách người dùng là bên mời thầu, bên nhà thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; nắm vững kiến thức nghiệp vụ bên mời thầu và bên nhà thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia cũng như xử lý các tình huống phát sinh trong hoạt động đấu thầu qua mạng.

9. Hiểu và vận dụng vào thực tiễn các công cụ toán kinh tế, khoa học tự nhiên; nguyên tắc và những yêu cầu đối với hoạt động đấu thầu trong điều kiện mới để phát huy và đạt được mục đích của hoạt động đấu thầu đó là cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế.

10. Hiểu, vận dụng được các kiến thức chuyên môn trong hoạt động đấu thầu, quản lý dự án để lập được hồ sơ mời thầu, hồ sơ dự thầu, quy trình đấu thầu mua sắm, đấu thầu xây lắp; lập hồ sơ thầu và chấm thầu, kiến nghị trong đấu thầu; thẩm định và quản lý được các dự án đầu tư; đánh giá được hồ sơ dự thầu, áp dụng được kỹ thuật phân tích toàn diện nội dung dự án đã được thiết lập theo một trình tự hợp lý và theo những tiêu chuẩn kinh tế kỹ thuật để đi đến kết luận chính xác về hiệu quả tài chính, hiệu quả kinh tế xã hội môi trường nhằm đáp ứng yêu cầu mục tiêu phát triển của chủ đầu tư và của quốc gia.

11. Hiểu được những vấn đề về đạo đức và rủi ro trong hoạt động đấu thầu; có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có khả năng tư duy độc lập và năng lực tự tìm tòi, bổ sung kiến thức theo yêu cầu của công việc.

## **2.2. Về kỹ năng**

### **2.2.1. Kỹ năng nghề nghiệp**

12. Kỹ năng phân tích, xử lý tình huống: Vận dụng tốt các kiến thức được trang bị để phân tích, hoạch định và tổ chức thực hiện các hoạt động đấu thầu, quản lý dự án phát triển kinh tế xã hội, các dự án phát triển sản xuất kinh doanh, các hoạt động đầu tư trong doanh nghiệp; Có kỹ năng giải quyết vấn đề, xử lý tình huống trong đấu thầu, quản lý dự án, sáng tạo trong công việc.

13. Có kỹ năng làm việc độc lập: khả năng tự học, và nghiên cứu khoa học độc lập, tư duy phản biện, tư duy hệ thống; có kỹ năng làm việc và tổ chức công việc theo nhóm.

14. Có kỹ năng phân tích, hoạch định và tổ chức thực hiện các hoạt động đấu thầu, quản lý dự án đầu tư phát triển ở cấp độ doanh nghiệp, cấp độ nền kinh tế; nghiên cứu các vấn đề kinh tế dưới góc độ tác động của Đấu thầu và Quản lý Dự án.

### **2.2.2. Kỹ năng mềm**

15. Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, tư vấn kinh tế, hùng biện, phản biện, tranh luận.

16. Có khả năng sử dụng Ngoại ngữ một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề ở môi trường trong nước và quốc tế.

17. Sử dụng thành thạo các phần mềm tin học thông dụng;

## **2.3. Về phẩm chất đạo đức**

18. Có phẩm chất chính trị; sức khỏe tốt; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp.

19. Có các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, ý thức chấp hành pháp luật, có trách nhiệm trong công việc; có khả năng thích ứng trong môi trường nghề nghiệp mang tính cạnh tranh và quốc tế. Có ý thức tự rèn luyện và nâng cao năng lực chuyên môn.





STT	Mã số học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra																						
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19				
36	KHĐT05	Kinh tế đầu tư						x				x										x			
37	TOKT05	Kinh tế lượng						x																	
38	QLHD01	Hợp đồng trong đấu thầu							x														x		
39	QTMC02	Tài chính doanh nghiệp																							
40	TODL01	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh																							
<b>2.5. Kiến thức ngành (lựa chọn)</b>																									
41	KHCC06	Kinh tế công cộng					x	x	x																
42	LUKT02	Pháp luật kinh tế																							
43	QHMT08	Kinh tế môi trường																							
44	KHKT07	Kinh tế phát triển																							
45	QHXH10	Quy hoạch phát triển																							
46	ĐNTM09	Thương mại quốc tế																							
<b>2.6. Kiến thức chuyên ngành (bắt buộc)</b>																									
47	QLMS04	Đấu thầu mua sắm 2																							
48	QLQM08	Đấu thầu qua mạng																							
49	QLHS03	Lập hồ sơ mời thầu và Đánh giá hồ sơ dự thầu																							
50	ĐTQL03	Quản lý dự án đầu tư																							
51	TCTĐ17	Thẩm định dự án đầu tư																							
<b>2.5. Kiến thức chuyên ngành (lựa chọn):</b>																									



STT	Mã số học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra																			
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	
52	QLPT06	Đấu thầu phi tư vấn											x	x	x							
53	QLTV09	Đấu thầu tư vấn										x	x		x							
54	QLXL10	Đấu thầu xây lắp									x	x										
55	QLKT01	Đầu tư công										x										
56	TCPT08	Phân tích báo cáo tài chính							x						x							
58	QLPP05	Dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư PPP										x	x									
59	ĐTĐG01	Giám sát và đánh giá dự án											x									
60	ĐTQT01	Quy định về đấu thầu của các TCQT và NTT nước ngoài tại Việt Nam											x	x								
<b>2.6. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp</b>																						
61	TTTTN01	Thực tập tốt nghiệp																			x	x
62	ĐTTN04	Đấu thầu mua sắm nâng cao																			x	x
63	ĐTTN03	Lập hồ sơ mời thầu nâng cao																			x	x
64	KLTN	Khóa luận tốt nghiệp																			x	x

4. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 3,5 - 4 năm
5. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 128 tín chỉ
6. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH: Theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tuyển sinh đại học hệ chính quy
7. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP: Đào tạo theo hệ thống tín chỉ, tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định của Chương trình đào tạo
8. THANG ĐIỂM: Thang điểm 10 kết hợp với thang điểm 4 và điểm chữ

#### 9. CẤU TRÚC KIẾN THỨC CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Học phần	Khối lượng kiến thức (tín chỉ)	Số học phần	Tỷ lệ
1. Kiến thức giáo dục đại cương (không bao gồm GDTC&QP và TACB1)	41	15	32%
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	87	42	69%
2.1. Kiến thức cơ sở ngành	26	14	20.3%
2.1.1. Cơ sở ngành bắt buộc	17	6	13.3%
2.1.2. Cơ sở ngành tự chọn	9	8	7%
2.2. Kiến thức ngành	27	14	21.1%
2.2.1. Ngành bắt buộc	18	6	14.1%
2.2.2. Ngành tự chọn	9	8	7%
2.3. Kiến thức chuyên ngành	24	10	23%
2.3.1. Chuyên ngành bắt buộc	15	5	20.7%
2.3.2. Chuyên ngành tự chọn	9	5	7%
2.4. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp	10	4	7.9%
<b>TỔNG SỐ (Không bao gồm GDTC &amp; Quốc phòng và TACB 1)</b>	<b>128</b>	<b>57</b>	<b>100</b>

**10. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO – CHUYÊN NGÀNH ĐẦU THẦU VÀ QUẢN LÝ DỰ ÁN**

TT	Mã số	Tên học phần/ Môn học	Số Tín chỉ	Học kỳ
<b>1. Giáo dục đại cương</b>			<b>41</b>	<b>32%</b>
1	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
2	THKT05	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	2	2
3	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	3	1
4	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1	3	2
5	THLD07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	1
6	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	2
7	LUĐC01	Pháp luật đại cương	3	1
8	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	4
9	TACB02	Tiếng Anh cơ bản 2	3	2
10	TACB03	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3
11	TACB04	Tiếng Anh cơ bản 4	3	4
12	TOĐC06	Tin học đại cương	3	1
13	TOCC05	Toán cao cấp	3	1
14	THML04	Triết học Mác - Lênin	3	1
15	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2
16	TACB01	Tiếng Anh cơ bản 1*	3	1
17	GDQP02	Giáo dục quốc phòng*	8	1
18	GDTC08	Giáo dục thể chất 1*	2	1
	GDTC06	Giáo dục thể chất 2*	2	2
	GDTC07	Giáo dục thể chất 3*	2	3
<b>2. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Cơ sở ngành</b>			<b>17</b>	<b>13.3%</b>
1	QLCD01	Chuyên đề thực tế	2	4
2	CSCS11	Chính sách công	3	4
3	KHMI03	Kinh tế vi mô 2	3	3
4	TCTT23	Lý thuyết Tài chính tiền tệ	3	3
5	TCKT01	Nguyên lý kế toán	3	3
6	KHMA04	Kinh tế vĩ mô 2	3	4
<b>3. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Cơ sở ngành</b>			<b>9</b>	<b>7%</b>

TT	Mã số	Tên học phần/ Môn học	Số Tín chỉ	Học kỳ
1	TCDN24	Marketing căn bản	3	5
2	QTCL01	Quản trị chiến lược	3	6
3	CSQL11	Quản lý công	3	3
4	TCKH05	Kế toán tài chính	3	5
5	ĐNQTD2	Kinh tế quốc tế	3	6
6	TCTH26	Thuế	3	5
7	TONL08	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	4
8	QHĐL07	Địa lý Kinh tế	3	3
<b>4. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Ngành</b>			<b>18</b>	<b>14.1%</b>
1	QLMS03	Đấu thầu mua sắm 1	3	3
2	KHĐT05	Kinh tế đầu tư	3	4
3	TOKT05	Kinh tế lượng	3	4
4	QLHD01	Hợp đồng trong đấu thầu	3	5
5	QIMC02	Tài chính doanh nghiệp	3	3
6	TODL01	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh	3	4
<b>5. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Ngành</b>			<b>9</b>	<b>7%</b>
1	KHCC06	Kinh tế công cộng	3	4
2	LUKT02	Pháp luật kinh tế	3	3
3	QHMT08	Kinh tế môi trường	3	3
4	KHKT07	Kinh tế phát triển	3	5
5	QHXH10	Quy hoạch phát triển	3	6
6	ĐNTM09	Thương mại quốc tế	3	3
<b>6. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Chuyên ngành</b>			<b>15</b>	<b>20.7%</b>
1	QLMS04	Đấu thầu mua sắm 2	3	7
2	QLQM08	Đấu thầu qua mạng	3	6
3	QLHS03	Lập hồ sơ mời thầu và Đánh giá hồ sơ dự thầu	3	7
4	ĐTQL03	Quản lý dự án đầu tư	3	7
5	TCTĐ17	Thẩm định dự án đầu tư	3	6
<b>7. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Chuyên ngành</b>			<b>9</b>	<b>7%</b>
1	QLPT06	Đấu thầu phi tư vấn	2	5

TT	Mã số	Tên học phần/ Môn học	Số Tín chỉ	Học kỳ
2	QLTV09	Đấu thầu tư vấn	2	7
3	QLXL10	Đấu thầu xây lắp	2	7
4	QLKT01	Đầu tư công	2	7
5	TCPT08	Phân tích báo cáo tài chính	3	6
6	QLPP05	Dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư PPP	3	5
7	ĐTĐG01	Giám sát và đánh giá dự án	3	7
8	ĐTQĐ11	Quy định về đấu thầu của các TCQT và NTT nước ngoài tại Việt Nam	3	6
<b>8. Giáo dục chuyên nghiệp (Thực tập và tốt nghiệp) - Sinh viên làm KLTN hoặc thi 2 môn tốt nghiệp</b>			<b>10</b>	<b>8%</b>
1	KLTN	Khóa luận tốt nghiệp	6	8
2	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp	4	8
3	ĐTTN04	Đấu thầu mua sắm nâng cao	3	8
4	ĐTTN03	Lập hồ sơ mời thầu nâng cao	3	8
<b>TỔNG</b>			<b>128</b>	

Ghi chú: (\*) Học phần không tính điểm, không tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 57/QĐ-HVCSPT ngày 30 tháng 7 năm 2021  
của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)

<b>NGÀNH ĐÀO TẠO:</b>	<b>KINH TẾ</b>
<b>MÃ SỐ:</b>	<b>7310101</b>
<b>TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO:</b>	<b>ĐẠI HỌC</b>
<b>CHUYÊN NGÀNH:</b>	<b>ĐẦU TƯ</b>

### 1. Mục tiêu

#### 1.1. Mục tiêu chung

Chuyên ngành Đầu tư là một chuyên ngành chính của Khoa Kinh tế, Học viện chính sách và Phát triển, Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Cử nhân tốt nghiệp chuyên ngành Đầu tư (định hướng ứng dụng) có kiến thức chuyên môn toàn diện sẽ được trang bị kỹ năng, kiến thức về đầu tư phát triển và đầu tư tài chính, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc hoạt động kinh tế, đầu tư, quản lý đầu tư của doanh nghiệp và tổ chức.

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng tư duy khoa học, có thể vận dụng kiến thức đã học làm việc trong cả khu vực công và khu vực tư nhân có yêu cầu kiến thức cơ bản và chuyên sâu trong các lĩnh vực: Quản lý nhà nước về đầu tư, lập kế hoạch và dự án đầu tư, thẩm định, quản trị dự án đầu tư, đầu tư tài chính, đầu tư phát triển, định giá tài sản.

Các kỹ năng để thực hiện tốt công việc của chuyên viên như: phân tích, lập kế hoạch, làm việc nhóm, tổ chức triển khai nhiệm vụ, kỹ năng đàm phán, giao tiếp cũng được chú trọng để sinh viên tốt nghiệp sớm hòa nhập với đơn vị tuyển dụng.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể

##### 1.2.1. Về kiến thức

Cử nhân chuyên ngành Đầu tư được trang bị hệ thống kiến thức cơ bản về kinh tế và kiến thức chuyên sâu về đầu tư. Sau khi hoàn thành khóa học, cử nhân chuyên ngành Đầu tư sẽ lĩnh hội được kiến thức chuyên sâu về đầu tư để đảm nhiệm các công việc liên quan đến hoạt động đầu tư ở cả khu vực công và các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế. Nội dung các học phần tự chọn cũng được chọn lọc để sinh viên có thể lựa chọn chuyên sâu

hơn về các lĩnh vực quản lý nhà nước các cấp trong lĩnh vực đầu tư hoặc thiên về lĩnh vực quản trị đầu tư ở các đơn vị kinh doanh.

### **1.2.2. Về kỹ năng**

Có khả năng độc lập và phối hợp hoạt động theo nhóm; phong cách làm việc chuyên nghiệp, tầm nhìn sâu rộng và kỹ năng phân tích, tổng hợp vấn đề; bảo đảm hoạt động một cách có hiệu quả trong lĩnh vực chuyên môn được đào tạo.

Được trang bị kiến thức nền tảng, phương pháp và kỹ năng tự nghiên cứu để nâng cao trình độ ở các cấp học cao hơn và đáp ứng các công việc chuyên sâu khi đơn vị tuyển dụng yêu cầu.

### **1.2.3 Về thái độ**

Có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; tôn trọng và chấp hành pháp luật; có ý thức tổ chức kỷ luật; tinh thần cầu thị, chủ động, sáng tạo, nhiệt tình và có tinh thần hợp tác trong công việc.

### **1.2.4. Vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp**

Chuyên ngành Đầu tư có đầu ra tương đối rộng vì ngành đào tạo về đầu tư phát triển và đầu tư tài chính mà bất cứ hoạt động kinh tế nào cũng cần phải lập kế hoạch đầu tư và lập dự án đầu tư. Cử nhân tốt nghiệp chuyên ngành Đầu tư sẽ được trang bị kỹ năng, kiến thức trong các lĩnh vực quản lý nhà nước về đầu tư, đầu tư tài chính, định giá tài sản, lập, thẩm định, quản trị dự án đầu tư nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực cho cả khu vực công và khu vực tư nhân. Cử nhân tốt nghiệp chuyên ngành Đầu tư có thể làm việc tại:

- Cơ quan quản lý nhà nước trong hoạt động đầu tư từ cấp trung ương đến địa phương.
- Các công ty hoạt động chuyên nghiệp trong lĩnh vực đầu tư, tư vấn đầu tư như các quỹ đầu tư, công ty chứng khoán, công ty tài chính, ngân hàng đầu tư...
- Các doanh nghiệp có triển khai các dự án đầu tư nhằm thực hiện các nghiệp vụ lập dự án, thẩm định dự án và quản trị dự án đầu tư.
- Các ban quản lý dự án của khu vực công và khu vực doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế.
- Các ngân hàng thương mại có thực hiện các nghiệp vụ đầu tư ngoại hối, đầu tư tài chính và thẩm định dự án đầu tư để tài trợ tín dụng.

- Thực hiện các công việc nghiên cứu, giảng dạy tại các viện nghiên cứu và trường đại học.

### **1.2.5. Trình độ ngoại ngữ và tin học**

- Đạt trình độ về ngoại ngữ: Theo chuẩn đầu ra của Học viện Chính sách và Phát triển. Sử dụng tốt tiếng Anh với những kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong nghiên cứu, giao tiếp và soạn thảo báo cáo phân tích.

- Đạt trình độ tin học: Chứng chỉ tin học quốc tế IC3 (Internet and Computing Core Certification) hoặc MOS (Microsoft Office Specialist), đây là những chuẩn quốc tế về sử dụng máy tính và tin học văn phòng do tổ chức Certiport của Mỹ cấp.

## **2. Chuẩn đầu ra**

### **2.1 Về kiến thức**

#### *a. Kiến thức cơ bản*

1. Nắm vững những kiến thức cơ bản, nền tảng về thế giới quan và phương pháp luận khoa học. Hiểu, phân tích, đánh giá và ứng dụng tri thức khoa học của chủ nghĩa Mác – Lê nin vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.

2. Hiểu về thể chế Nhà nước, nắm vững kiến thức pháp lý cơ bản đặc biệt là pháp luật về kinh tế, đầu tư và kinh doanh.

3. Nắm vững phương pháp luận, ứng dụng công cụ toán, thống kê và kinh tế học vào phân tích, giải quyết các vấn đề kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh, có đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu.

4. Hiểu về quy trình, tác động của chính sách (đặc biệt chính sách kinh tế), vận dụng vào việc hoạch định, tổ chức thực hiện và đánh giá chính sách.

5. Nắm vững các quy luật của kinh tế thị trường, có tư duy toàn cầu, thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới.

#### *b. Kiến thức chuyên sâu*

6. Nắm vững kiến thức chuyên môn về đầu tư, quản lý đầu tư trên cấp độ nền kinh tế, ngành, địa phương, trên cấp độ doanh nghiệp và quản lý đầu tư của cá nhân.

7. Có khả năng thu thập, phân tích và tổng hợp thông tin, dữ liệu phục vụ cho việc phát hiện, đánh giá cơ hội đầu tư;

8. Có kiến thức chuyên sâu về lập và thẩm định các chương trình đầu tư, các dự án đầu tư. Có năng lực phân tích, hoạch định, thẩm định, quản lý và thực thi các chính



sách đầu tư tại các tổ chức trong nước và quốc tế. Đánh giá tác động qua lại của đầu tư đối với phát triển kinh tế;

9. Hiểu rõ các công cụ và phương pháp tiên tiến trong tổ chức, quản lý hoạt động đầu tư, quản lý rủi ro hoạt động đầu tư, hoạt động đấu thầu dự án đáp ứng yêu cầu thực tiễn;

10. Có kiến thức trong việc phân tích, tổng hợp các vấn đề về xúc tiến đầu tư, hỗ trợ đầu tư cho các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế - xã hội khác.

## **2.2 Về kỹ năng**

### *a. Kỹ năng nghề nghiệp*

11. Kỹ năng phân tích: thành thạo trong việc phân tích, tổng hợp và xử lý những vấn đề liên quan đến hoạt động đầu tư như lựa chọn cơ hội đầu tư; xác định kết quả và hiệu quả đầu tư; đánh giá rủi ro đầu tư và đưa ra quyết định đầu tư.

12. Kỹ năng hoạch định chính sách: Có khả năng xây dựng các chiến lược, kế hoạch đầu tư, xây dựng các chương trình xúc tiến đầu tư của các tổ chức kinh tế - xã hội.

13. Kỹ năng quản lý và giám sát các chương trình hay dự án đầu tư: Có khả năng vận dụng các công cụ và phương pháp tiên tiến trong tổ chức, kiểm tra, giám sát thực hiện các chính sách đầu tư, các chương trình, dự án đầu tư;

14. Kỹ năng thiết lập và thẩm định dự án đầu tư: Có khả năng soạn thảo một dự án đầu tư; có khả năng thẩm định dự án đầu tư.

### *b. Kỹ năng mềm*

15. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng thực hành, điều hành... đủ năng lực để trở thành nhà quản lý, lãnh đạo.

16. Có khả năng sử dụng Ngoại ngữ một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề ở môi trường trong nước và quốc tế.

17. Sử dụng thành thạo các phần mềm tin học thông dụng; có khả năng phân tích Dữ liệu lớn (Big Data) trong kinh tế và kinh doanh.

## **2.3 Năng lực tự chủ về chịu trách nhiệm**

18. Có phẩm chất chính trị; sức khỏe tốt; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp.

19. Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề liên quan đến đánh giá tác động của hoạt động đầu tư đến đời sống kinh tế xã hội, đề xuất các giải pháp và chính sách liên quan đến lĩnh vực đầu tư và các nghiệp vụ thông thường.

20. Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

**3. Ma trận đóng góp của học phần vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

TT	Mã số	Tên học phần/ Môn học	Chuẩn đầu ra																									
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20						
<b>1. Giáo dục đại cương</b>																												
1	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x																									
2	THKT05	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	x	x																						x	x	
3	KHMI01	Kinh tế vi mô 1				x																						
4	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1				x																						
5	THLD07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	x																									
6	TOLI07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán			x											x												
7	LUĐC01	Pháp luật đại cương		x																								
8	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	x		x												x											
9	TACB02	Tiếng Anh cơ bản 2																										
10	TACB03	Tiếng Anh cơ bản 3																										
11	TACB04	Tiếng Anh cơ bản 4																										
12	TODC06	Tin học đại cương																										x
13	TOCC05	Toán cao cấp																										x

TT	Mã số	Tên học phần/ Môn học	Chuồn đầu ra																			
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
14	THML04	Triết học Mác - Lênin	x																			
15	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x															x				
Các học phần không tính điểm																						
16	TACB01	Tiếng Anh cơ bản 1																x				
17	GDQP02	Giáo dục quốc phòng																			x	
18	GDTC08	Giáo dục thể chất 1																			x	
	GDTC06	Giáo dục thể chất 2																			x	
	GDTC07	Giáo dục thể chất 3																			x	
<b>2. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Cơ sở ngành</b>																						
1	QLCD01	Chuyên đề thực tế							x													
2	CSCS11	Chính sách công				x																
3	LUKT02	Pháp luật kinh tế	x																			
4	TCTT23	Lý thuyết Tài chính tiền tệ				x																
5	TCKT01	Nguyên lý kế toán							x	x						x						
6	KHMA04	Kinh tế vĩ mô 2				x			x													
<b>3. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Cơ sở ngành</b>																						
1	QTMC02	Marketing căn bản																x				
2	QTCL01	Quản trị chiến lược																	x			
3	TCCO21	Quản lý tài chính công																			x	
4	QTHO06	Quản trị học																				x

TT	Mã số	Tên học phần/ Môn học	Chuẩn đầu ra																			
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
5	ĐNQT02	Kinh tế quốc tế								x	x		x					x				
6	TCTH11	Thuế																				
7	TONL08	Nguyên lý thống kê kinh tế																				
8	QHDL07	Địa lý Kinh tế																				
<b>4. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Ngành</b>																						
1	KHĐT05	Kinh tế đầu tư																				
2	QLMS03	Đầu thầu mua sắm 1																				
3	TOKT05	Kinh tế lượng																				
4	TCKH04	Kế toán tài chính																				
5	TCDN03	Tài chính doanh nghiệp																				
6	TODL01	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh																				
<b>5. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Ngành</b>																						
1	TCCK25	Thị trường chứng khoán																				
2	KHMI03	Kinh tế vi mô 2																				
3	QHMT08	Kinh tế môi trường																				
4	KHKT11	Kinh tế phát triển																				
5	ĐTPS01	Chứng khoán phái sinh																				
6	QLQM08	Đầu thầu qua mạng																				
<b>6. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Chuyên ngành</b>																						

TT	Mã số	Tên học phần/ Môn học	Chuẩn đầu ra																							
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20				
1	ĐTQL03	Quản lý dự án đầu tư							x	x				x												
2	TCTĐ17	Thẩm định dự án đầu tư								x																
3	ĐTKT02	Phân tích kỹ thuật trong đầu tư																								
4	TCPT08	Phân tích báo cáo tài chính																								
5	ĐTDM04	Quản lý danh mục đầu tư																								
<b>7. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Chuyên ngành</b>																										
1	TCDBG01	Định giá tài sản																								
2	ĐTRR06	Quản trị rủi ro																								
3	QTDQ10	Đầu tư quốc tế																								
4	KHCO09	Đầu tư công																								
	QLPP05	Dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư PPP																								
5	ĐTĐG01	Giám sát và đánh giá dự án																								
<b>8. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn TN)</b>																										
1	TTTTN01	Thực tập tốt nghiệp																								
2	HPTN	Kinh tế đầu tư nâng cao																								
3	PHTN	Thẩm định dự án đầu tư nâng cao																								
4	KL.TN	Khóa luận tốt nghiệp																								

**4. Thời gian đào tạo:** 3,5 năm – 4 năm

**5. Khối lượng kiến thức toàn khóa:** Tổng khối lượng kiến thức là 128 tín chỉ.

**6. Đối tượng tuyển sinh**

Thí sinh có đủ các điều kiện theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định tuyển sinh của Học viện Chính sách và Phát triển.

**7. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

Đào tạo theo hệ thống tín chỉ, tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định đào tạo đại học hệ chính quy của Học viện Chính sách và Phát triển.

**8. Cách thức đánh giá (thang điểm)**

Đánh giá theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định đào tạo đại học hệ chính quy của Học viện Chính sách và Phát triển.

**9. Cấu trúc kiến thức của Chương trình đào tạo**

Học phần	Khối lượng kiến thức (tín chỉ)	Số học phần	Tỷ lệ	Ghi chú
<b>1. Kiến thức giáo dục đại cương (không bao gồm GDTC&amp;QP và TACB1)</b>	41	15	32%	
<b>2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	87	42	69%	
<i>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</i>	26	14	20.3%	
<i>2.1.1. Cơ sở ngành bắt buộc</i>	17	6	13.3%	
<i>2.1.2. Cơ sở ngành tự chọn</i>	9	8	7%	
<b>2.2. Kiến thức ngành</b>	27	14	21.1%	
<i>2.2.1. Ngành bắt buộc</i>	18	6	14.1%	
<i>2.2.2. Ngành tự chọn</i>	9	8	7%	
<b>2.3. Kiến thức chuyên ngành</b>	24	10	23%	
<i>2.3.1. Chuyên ngành bắt buộc</i>	15	5	20.7%	
<i>2.3.2. Chuyên ngành tự chọn</i>	9	5	9%	
<b>2.4. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp</b>	10	4	7.9%	
<b>TỔNG SỐ (Không bao gồm GDTC &amp; Quốc phòng và TACB 1)</b>	128	57	100	

### 10. Nội dung chương trình đào tạo chuyên ngành Đầu tư

TT	Mã số	Tên học phần/ Môn học	Số Tín chỉ	Học kỳ
<b>1. Giáo dục đại cương</b>			<b>41</b>	<b>32%</b>
1	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
2	THKT05	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	2	1
3	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	3	2
4	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1	3	2
5	THLD07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	1
6	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	2
7	LUĐC01	Pháp luật đại cương	3	1
8	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	3
9	TACB02	Tiếng Anh cơ bản 2	3	2
10	TACB03	Tiếng Anh cơ bản 3	3	3
11	TACB04	Tiếng Anh cơ bản 4	3	4
12	TOĐC06	Tin học đại cương	3	1
13	TOCC05	Toán cao cấp	3	1
14	THML04	Triết học Mác - Lênin	3	1
15	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2
16	TACB01	Tiếng Anh cơ bản 1*	3	1
17	GDQP02	Giáo dục quốc phòng*	8	1
18	GDTC08	Giáo dục thể chất 1*	2	1
	GDTC06	Giáo dục thể chất 2*	2	2
	GDTC07	Giáo dục thể chất 3*	2	3
<b>2. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Cơ sở ngành</b>			<b>17</b>	<b>13.3%</b>
1	QLCD01	Chuyên đề thực tế	2	6
2	CSCS11	Chính sách công	3	4
3	LUKT02	Pháp luật kinh tế	3	3
4	TCTT23	Lý thuyết Tài chính tiền tệ	3	4
5	TCKT01	Nguyên lý kế toán	3	4
6	KHMA04	Kinh tế vĩ mô 2	3	4
<b>3. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Cơ sở ngành</b>			<b>9</b>	<b>7%</b>
1	QTMC02	Marketing căn bản	3	4
2	QTCL01	Quản trị chiến lược	3	5
3	TCCO21	Quản lý tài chính công	3	5



TT	Mã số	Tên học phần/ Môn học	Số Tín chỉ	Học kỳ
4	QTHO06	Quản trị học	3	3
5	ĐNQT02	Kinh tế quốc tế	3	5
6	TCTH11	Thuế	3	6
7	TODL01	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh	3	5
8	QHĐL07	Địa lý Kinh tế	3	3
<b>4.Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Ngành</b>			<b>18</b>	<b>14.1%</b>
1	KHĐT05	Kinh tế đầu tư	3	5
2	QLMS03	Đấu thầu mua sắm 1	3	5
3	TOKT05	Kinh tế lượng	3	4
4	TCKH04	Kế toán tài chính	3	5
5	TCDN03	Tài chính doanh nghiệp	3	5
6	TONL08	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	4
<b>5.Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) – Ngành</b>			<b>9</b>	<b>7%</b>
1	TCCK25	Thị trường chứng khoán	3	5
2	KHMI03	Kinh tế vi mô 2	3	3
3	QHMT08	Kinh tế môi trường	3	3
4	KHKT11	Kinh tế phát triển	3	6
5	ĐTPS01	Chứng khoán phái sinh	3	6
6	QLQM08	Đấu thầu qua mạng	3	6
<b>6.Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Chuyên ngành</b>			<b>15</b>	<b>13.3%</b>
1	ĐTKT02	Phân tích kỹ thuật trong đầu tư	3	7
2	TCPT08	Phân tích báo cáo tài chính	3	7
4	ĐTDM04	Quản lý danh mục đầu tư	3	7
4	ĐTQL03	Quản lý dự án đầu tư	3	7
5	TCTĐ17	Thẩm định dự án đầu tư	3	6
<b>7.Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Chuyên ngành</b>			<b>9</b>	<b>7%</b>
1	TCĐG01	Định giá tài sản	3	6
2	ĐTRR06	Quản trị rủi ro	3	6
3	QTDQ10	Đầu tư quốc tế	3	5
4	KHCO09	Đầu tư công	3	5
5	QLPP05	Dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư PPP	3	5
6	ĐTĐG01	Giám sát và đánh giá dự án	3	7
7	QLHS03	Lập hồ sơ mời thầu và Đánh giá hồ sơ dự thầu	3	7

TT	Mã số	Tên học phần/ Môn học	Số Tín chỉ	Học kỳ
<b>8. Giáo dục chuyên nghiệp (Thực tập và tốt nghiệp) - Sinh viên làm KLTN hoặc thi 2 môn tốt nghiệp</b>			<b>10</b>	
1	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp	4	8
2	HPTN	Kinh tế đầu tư nâng cao	3	8
3	HPTN	Thẩm định dự án nâng cao	3	8
4	KLTN	Khóa luận tốt nghiệp	6	8
<b>TỔNG</b>			<b>128</b>	

*Ghi chú: (\*) Học phần không tính điểm, không tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo*